

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 12/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hạnh.

Bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 31/01/2018 đối với:

Bị cáo **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1986 tại thôn TC, xã TT, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn TC, xã TT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Ngô Thị T2; có vợ là Bùi Thị L.A và 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/11/2017 bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, mức phạt 2.500.000 đồng theo Quyết định số 281A, Đ đã nộp phạt; bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

Bà Phạm Thị V, sinh năm 1957, trú tại thôn QL, xã TH, huyện T1, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1961, trú tại số nhà 61-64 khu chung cư HT, huyện A, thành phố H (có mặt).

- Những người làm chứng:

Anh Đinh Văn H1, sinh năm 1966, trú tại thôn T4, xã TH1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Anh Trần Văn Q, sinh năm 1980, trú tại thôn HC, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Anh Bùi Văn C, sinh năm 1985, trú tại thôn LT, xã TT, huyện T1, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do biết bà Phạm Thị V có nuôi thả ngao tại tọa độ 20°35'36"N 106°40'23"E là khu vực ngoài vùng quy hoạch nuôi thả ngao của Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp phép nhưng Đ vẫn có ý định ra đánh bắt. Nên cuối tháng 8/2017, Đ thuê một số người ra cắm cọc tiêu tại khu vực bãi triều ngoài vùng quy hoạch xã TT của bà V lấn chiếm nuôi ngao để đánh dấu (Bà V chung vốn thả ngao với bà Đỗ Thị T3). Đến tối ngày 05/9/2017, Đ thuê 03 chiếc tàu đánh bắt don gồm: 01 tàu mang số hiệu TB 10054TS của anh Lê Bá C1, sinh năm 1982, trú tại thôn VNX, xã TX; 01 tàu mang số hiệu TB 10088TS của anh Vũ Hồng T4, sinh năm 1976, trú tại thôn MV, xã TX và 01 tàu mang số hiệu TB 902TS của anh Nguyễn Mạnh C3, sinh năm 1984, trú tại thôn BX, xã TX. Đến khoảng 08 giờ ngày 06/9/2017, 03 tàu trên đi từ cảng cá TS thuộc khu 8 thị trấn D ra khu vực bãi triều ven biển giáp địa phận xã TT để đánh bắt ngao, don. Khi đi, Đ rủ theo anh Lê Ngọc T5, sinh năm 1996, trú tại thôn VĐ, xã TX; Đỗ Đức H2, sinh năm 1993, trú tại thôn LT, xã TT; các anh Lê Xuân B sinh năm 1991, Nguyễn Văn M sinh năm 1991, Nguyễn Thành Đ1 sinh năm 1990 và Lê Xuân T6 sinh năm 1990, đều trú tại thôn CB, xã TT, huyện T1 đi cùng. Trên các tàu còn có các chị Phạm Thị H3, sinh năm 1981 (vợ anh Vũ Hồng T4); chị Vũ Thị H4, sinh năm 1984 (vợ anh Lê Bá C2); anh Vũ Bá H5, sinh năm 1990, trú tại thôn TP, xã TT (là em chị H4) và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (vợ anh Nguyễn Mạnh C3). Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, sau khi đi vào khu vực bãi triều ngoài vùng quy hoạch mà bà V lấn chiếm nuôi thả ngao trước đó đã đánh dấu, Đ yêu cầu những người đi cùng thả cào có sẵn trên tàu để đánh bắt ngao, don. Khoảng 12 giờ, khi đã đánh bắt được khoảng 20 phút thì các anh H1, Q, C phát hiện thấy có 03 tàu đánh bắt ngao nên đi còng còng (thuyền loại nhỏ) ra nhắc nhở, yêu cầu 03 tàu dừng lại nhưng 03 tàu trên vẫn không dừng. Các anh H1, Q, C không dám ngăn cản đồng thời liên tục điện thoại báo cho bà V biết sự việc. Sau khi được nhắc nhở, những người trên vẫn tiếp tục đánh bắt ngao, don khoảng 15 phút nữa thì dừng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, 03 tàu đánh bắt được lượng thủy sản (gồm cả don, ngao và tạp chất), trong đó có 1.100 kg ngao thịt với tổng trị giá là 8.800.000 đồng. Khi về đến bến don thuộc địa phận khu 8 thị trấn D, lúc này đã có 02 chiếc xe ô tô tải: 01 chiếc đeo biển kiểm soát 17C-03279 của anh Vũ Hồng T5, sinh năm 1979, trú tại thôn MV, xã TX; 01 chiếc đeo biển kiểm soát 15C-02246 của anh Nguyễn Trọng T6, sinh năm 1976, trú tại thôn VNX, xã TX đã đợi sẵn. Đ thuê đội bốc vác tại bên, bốc toàn bộ lượng ngao và don trên 03 tàu lên xe tải chở về khu vực trước cửa nhà văn hóa thôn VNX, xã TX để bán. Tại đây, Đ thuê 03 người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ để sàng ngao, tuy nhiên do sàng lâu nên Đ yêu cầu dừng lại và bán số còn lại theo giá 150.000 đồng/01 bao, Đ khai bán được 7.500.000 đồng. Sau khi nhận được tổ giám của bà V, lực lượng Biên phòng đã tiến hành tuần tra phát hiện 03 tàu trên nên đã yêu cầu chủ tàu đưa về bến lập biên bản quản lý để phục vụ công tác xác minh kiểm tra. Toàn bộ lượng thủy sản của 03 tàu đánh bắt được cơ quan chức năng không thu giữ được gì, cũng không xác định được người mua.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Biên bản định giá tài sản, Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-ĐG ngày 31/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy kết

luận “Ngao thịt tại thời điểm xâm hại giá 8000 đồng/kg: 500 kg (năm trăm kilogram) ngao thịt x 8000 đồng/kg = 4.000.000 đồng”; Biên bản định giá tài sản, Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐG ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận “Ngao thành phẩm tại thời điểm xâm hại giá 8000 đồng/kg: 600 kg (sáu trăm kilogram) ngao thịt x 8000 đồng/kg = 4.800.000 đồng”.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTT ngày 19/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Bùi Văn Đ về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 04 (bốn) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, bị cáo không có đơn khiếu nại tố cáo.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Văn Đ đều khai nhận vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 06/9/2017, Đ có hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản là 1.100 kg ngao tại khu vực bãi triều ven biển giáp địa phận xã Thụy Trường của bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3, trị giá 8.800.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo Đ phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3; lời khai của những người làm chứng là các anh Đinh Văn H1, Trần Văn Q và Bùi Văn C; lời khai của những chủ tàu và người đi đánh bắt vào ngày 06/9/2017 cùng bị cáo; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản thực nghiệm điều tra; Biên bản định giá tài sản, Bản kết luận Định giá tài sản số 59/KL-ĐG ngày 31/10/2017 và Biên bản định giá tài sản, Bản kết luận Định giá tài sản số 01/KL-ĐG ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 06/9/2017, bị cáo Bùi Văn Đ đã có hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản là 1.100 kg ngao tại khu vực bãi triều ven biển giáp địa phận xã TT của bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3, trị giá 8.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo quy định

tại Điều 137 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 137 Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản

1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Bùi Văn Đ lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, đã công khai chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, mặc dù đã nhận thức được việc công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại là bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3 đều nhất trí với kết quả định giá tài sản và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho hai bà số tiền 8.800.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp 8.800.000 đồng tại biên lai số 0006687 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1 nên cần chuyển số tiền trên sang bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3, mỗi người được hưởng 4.400.000 đồng.

[5] Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 12/02/2018. Nghĩa vụ chấp hành hình phạt tù đã xong.

Áp dụng Điều 299, khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn Đ tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Chuyển số tiền 8.800.000 đồng gia đình bị cáo Đ đã nộp tại biên lai số 0006687 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1 sang bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3, mỗi người được hưởng 4.400.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn Đ; những người bị hại là các bà Phạm Thị V và bà Đỗ Thị T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/02/2018./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền